

# HUYỀN TÁN

## KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

### QUYỂN 7 (PHẦN CUỐI)

#### PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Chia làm ba môn:

1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải Thích-các chương nạn.

#### **I. Vì sao có phẩm này có bốn:**

1. Hàng thượng căn, trung căn nghe pháp mà được thọ ký, người hạ căn chưa hiểu rõ, nên Phật kể nói họ ở đời quá khứ đã có kết duyên với Đại thừa, và nói về thí dụ hóa thành như tiểu quả ở hiện tại. Nêu lại nhân duyên đã qua giúp cho chứng thật, thuật lại quả đời nay khiến cho bỏ pháp quyền. Khi đã tỏ ngộ hiểu biết mới có thể thọ ký. Do đó mà có phẩm này.

2. Luận giải để đối trị hạng chúng sanh có đủ bảy thứ tánh phiền não. Trong bảy thứ Tăng thượng mạn, loại thứ tư là người có định chấp. Tức là Tăng thượng mạn thật không có mà cho là có. Vì có pháp Tam-muội Tam-bạt-đà ở thế gian. Thật không có Niết-bàn mà nghĩ gì có Niết-bàn. Để đối trị hạng này, nên Phật nói Hóa thành dụ.

Lại nói loại người thứ tư phương tiện vào thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn đó là thành của các thiền Tam-muội. Vượt qua thành kia rồi khiến cho vào thành đại Niết-bàn. Cho nên người có định là kia đã đắc định, là người phạm phu Hữu học. Nay nói việc quá khứ là để cho nhớ lại. Mạn được khởi đây hoặc là phân biệt của Cõi Dục, hoặc phiền não ở cõi trên. Thành Tam-muội là nơi mà phạm phu Hữu học chuyên tâm mong cầu tức mong được thân Vô học Tận Vô sanh trí. Sau khi thiền định thế gian đã chuyển biến thành giải thoát, là năng biến thì không

gọi là Tam-muội. Định hữu lậu này gọi là thế gian định. Ý trong đây nói Phật nói ba việc gọi là Đại bát Niết-bàn. 1. Tam thừa đồng được trạch diệt giải thoát, tức là đối với đạo Vô học giải thoát chứng được lý sanh không. Do đây mà sau đó hoặc khổ không còn sanh ra nữa thì gọi là giải thoát. Phật gọi giải thoát này là hóa thành. 2. Chứng trí sanh không là gọi là tam nhập. Vì để dứt hết các khổ hoặc nên nói phương tiện vào thành Niết-bàn. Sau đó đi tiếp đến Đảo châu báu mới thật đến thành Đại Niết-bàn. 3. Trí gia hạnh của Nhị thừa cầu biến chuyển tướng này, chánh chứng giải thoát đạo Vô học đều không có các tướng phân biệt. Sau khi xuất đạo giải thoát, tâm định thế gian duyên lại để đắc, vì tâm thô nên không biết pháp sở chứng, chỉ thấy có tướng trạng Niết-bàn giải thoát mà trí gia hạnh đã cầu. Đó gọi là Niết-bàn, cho rằng có thật diệt. Há đây chẳng phải là tạm giải thoát, là thế gian định hay sao Cho nên nói vì có Tam-muội thế gian, thật không có Niết-bàn mà nghĩ bèn có Niết-bàn. Phạm phu Hữu học nghe giải thoát giả này, không biết cho là thật Niết-bàn, khởi tâm chấp chắc, tác ý mong đến, cho nên nay phá trừ. Nói sở chứng của họ cũng như hóa thành không có thật, không nên mong cầu, hướng chỉ chỉ là tạm biến chuyển của Vô học. Như người Nhị thừa khởi ra bốn điên đảo: Chánh trí chứng sanh không còn chưa khởi chấp, sau khi quán các hành tướng chánh trí trước. Không tự thân đắc, do thấy các hành tướng mong cầu của gia hạnh, bèn cho là thật, khởi lên bốn đảo. Đây cũng như vậy. Chẳng phải tâm vô lậu và định thế gian đều là pháp chấp, mà khi vượt khỏi tâm kia mới khởi chấp. Đây là nghĩa của ngài Hộ pháp, hoặc Sư An Tuệ. Tức ở vị Vô học giải thoát các tâm vô lậu, định tâm thế gian, đều có pháp chấp. Sở chứng trạch diệt đều gọi là hóa thành, người khác mong cầu theo lý đều là Tăng thượng mạn. Luận nói đó là do chúng sanh có tánh phiền não đầy đủ khởi tướng, nên chẳng phải là Vô học. Lại có giải thích: Đây là chỗ chấp của phạm phu thế gian và chứng đắc Tam-ma-bạt-đề, của thế gian. Sở đắc sáu hạnh giả phi trạch diệt cho là chân Niết-bàn. Phật nói Nhị thừa, Vô học đắc trạch diệt Niết-bàn chỉ là phương tiện khiến vào. Cũng như hóa thành giữa đường dứt khổ, mong hưởng đến Đảo châu báu, còn chẳng phải thật diệt độ. Hướng chỉ phạm phu các thầy chỉ đắc pháp Tam-muội thế gian mà chấp là thật diệt độ hay sao? Người Hữu học không khởi lên chấp này, phạm phu thì có. Như dưới nói: Đấng đạo sư, biết không mỗi một liền diệt mất hóa thành. Nói trước đó là thành do ta hóa ra. Nói hóa ra thành, diệt mất thành là để phá Nhị thừa chấp Niết-bàn như ngói thành thật có vì diệt phạm phu, chấp thành là thật. Cho nên trong đây

cũng nên như giải thích của ngài hộ pháp.

3. Trong mười nghĩa Vô thượng, thứ hai là hiện hạnh Vô thượng. Cho nên nói “Bổn sự của Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai”. Bồ-đề Đại thừa khó đắc, hạnh cũng khó thành, chẳng phải như Bồ-đề Nhị thừa mau đắc quả, hạnh cũng dễ tu. Cho nên nói Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai mười kiếp ngồi Đạo tràng, mới đắc Bồ-đề sự. Đây trong văn còn lại nói về việc xưa. Hoặc nói việc của Phật Đại Thông. Nói tự thân của Phật lúc ấy tu hành vì mười sáu vị vương tử rồi mới đắc Bồ-đề. Lại các Thanh-văn lúc ấy phát tâm đến nay mới thành thực nhân, hạnh lớn chẳng phải là bất chợt tu mà thành, đó là hạnh Vô thượng. Không nói hạnh của Phật Đại thông, tức sắc nói nay phải nói xưa. Tuy lấy quả đời nay làm tên phẩm, mà nhân cũng ở trong đó, cho nên có phẩm này.

4. Trong mười Vô thượng, thứ ba là thị hiện lực thêm lớn Vô thượng. Cho nên nói thí dụ người dẫn đầu đoàn người đi buôn. Trước nói hóa thành biết không có thật diệt chưa nói thương chủ có thể dẫn thương nhân đến Quả Phật Đảo châu báu. Nay đây nói việc đó nên có phẩm này. Đây chính là nghĩa còn lại, không phải văn còn lại.

**II. Giải thích danh:** An thần chế ngự giặc thì gọi là thành. Vốn không mà có gọi là hóa. Chế ngự giặc là dứt mỗi một sanh tử. An thần là chứng vui vắng lặng. Cho nên dụ ở thành. Phật giả quyền lập bày gọi là hóa. Thành tức là hóa nên gọi là hóa thành, nay là dụ và pháp. Phẩm này nói rộng dụ này gọi là Phẩm Hóa Thành dụ.

### III. Giải đáp chương nạn.

Hỏi: Điều phẩm này nói có hai nghĩa:

1. Nói việc đời trước của Đức Đại Thông tức là hành Vô thượng.
2. Nói sự hóa thành bây giờ, tức là lực thêm lớn Vô thượng. Vì sao chỉ lấy hóa thành làm tên, không lấy Phật sự làm tên?

Đáp: Phật nói giáo vốn là trừ bệnh cho chúng sanh, bệnh sanh có, vốn không có mà có là do tăng thượng mạn, chấp phi trạch diệt là thật. Nay nói trạch diệt là hóa là để trừ tâm đó, xả trừ quyền tạm mà tiến đến đảo châu báu, cho nên lấy hóa thành làm tên phẩm, không lấy Phật sự làm phẩm. Như chánh Pháp Hoa gọi là phẩm Vãng cổ, nghĩa là nói lên Phật quá khứ đã giáo hóa chúng sanh phát tâm Đại thừa. Khiến cho họ nhớ lại, để làm nhân thành thực cho hiện tại, mà nay so với ý đó là dẫn nhập Đại thừa chẳng phải là phá bệnh, cho nên kinh này không lấy vãng cổ làm tên phẩm. Lại quả hóa thành nay hiện được. Việc của Phật Đại Thông ở nhân xưa. Vì hiển quả làm tên phẩm mà không dùng ẩn nhân làm tên phẩm, cũng không sai.

- Kinh: “Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến A-tăng-kỳ kiếp.
- Tán: Châu thứ ba nói cho chúng hạ căn.

Y theo như hai chu trước, ở đây cũng chia làm bốn đoạn:

1. Phẩm này, Phật dùng thí dụ làm chánh hóa.
2. Phẩm cuối này, tức đầu phẩm sau (Ngũ bách đệ tử thọ ký) nói ngài Mãn Từ Tử lãnh ngộ.
3. Túc trong phẩm Ngũ bách đệ tử thọ ký, từ câu “Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các thầy thấy Mãn Từ Tử đây chăng?.v...” trở xuống là Phật thuật lại sự thành tựu.

4. Từ câu: “Các Tỳ-kheo! Phú-lâu-na này cũng là bậc nhất trong các vị nói pháp thuở bấy Đức Phật” trở xuống: Phật thọ ký cho.

Đoạn văn đầu chia làm hai phần: Đầu tiên nói nhân duyên đời trước, khiến nhớ lại đã lui sụt Đại thừa, thành tựu Tiểu thừa. Sau từ câu: “Các Tỳ-kheo! Nếu đức Như-lai tự biết giờ Niết-bàn sắp đến, chúng lại thanh tịnh” v.v... trở xuống là nói lên quả nay, để biết bỏ quyền, lấy thật.

a. Nói về túc nhân. Khiến cho nhớ lại lui sụt Đại thừa mà tu tiểu quả.

b. Các Tỳ-kheo! Như-lai tự biết đã đến lúc nhập Niết-bàn cho đến. Đầu tiên là nói nhân duyên xưa, để đại chúng thấu đạt việc đã tu đại trước kia lui sụt trụ ở tiểu quả. Nói theo quả thì gọi là hành Vô thượng, nói về bốn sự của Đại Thông Như-lai, sau đó thuật lại quả đấng hiện nay. Luận gọi là phá người có định. Tăng thượng mạn chấp không là có. Lại vì thị hiện lực thêm lớn Vô thượng, cho nên có dụ người đi buôn. Nói đầu tiên đã phát đại tâm khiến nay giữ lấy đại quả. Kế nói quả sau là hóa khiến cho bỏ tiểu quả, do đây mà chia làm hai: Văn đầu có hai:

Nói nhân duyên quá khứ kết hội ở việc tự thân của Phật.

“Các Tỳ-kheo... Lúc chúng ta làm Sa-di, mỗi người giáo hóa v.v...” là quá khứ kết duyên, hội việc của đệ tử. Ý này nói chung về quá khứ từng hóa độ kết duyên Đại thừa khiến cho sanh tín hiểu.

Văn nói nhân duyên quá khứ lại chia làm hai:

1. Văn xuôi, một kệ tụng nói Đức Đại Thông Phật xưa nay, xa gần.

2. Phật bảo các Tỳ-kheo: “Tuổi thọ của Phật Đại Thông Trí Thắng ...” trở xuống việc là nói về việc ấy.

Phần văn xuôi có hai:

1. Nói việc lâu xa của Đức Phật kia.

2. Nói những việc đã thấy.

Phần một lại có hai: Bảo chúng và hỏi đáp.

Phần bảo chúng có bốn điều: Thời, Danh, Nước và Kiếp.

Ở đây nói phần đầu.

- Kinh: “Bấy giờ có Phật cho đến kiếp tên là Đại Tướng.”

- Tán: Đây là nói ba việc sau.

- Kinh: “Các Tỳ-kheo cho đến chấm hết mực bằng địa chủng ở trên.

- Tán: Đây trở xuống là hỏi đáp có ba phần hỏi, đáp và nói việc rất lâu xa.

Trong hỏi có hai phần: So sánh lượng và hỏi.

Đây là phần một.

- Kinh: “Ý các thầy nghĩ sao? Cho đến thừa Thế tôn! Không thể biết”.

- Tán: Đây là hỏi và đáp.

- Kinh: “Các Tỳ-kheo cho đến a-tăng-kỳ kiếp.”

- Tán: Đây nói việc lâu mau.

Với tất cả cõi nước nhiều như cát bụi, lấy những cõi đã qua như cát bụi đều có chấm mực, hoặc không có chấm mực, nghiền thành bụi nhỏ, cứ một hạt bụi tính là một kiếp. Từ khi Phật đó diệt độ đến nay còn nhiều hơn số kiếp đó, nghiền nát là lấy tay mài thành.

- Kinh: “Ta dùng sức tri kiến của Như-lai cho đến giống như ngày nay.”

- Tán: Đây là nói Phật đã có thể thấy, tức dùng túc mạng trí, tuệ nhãn thấy.

Hỏi: Đức Thích-ca tu hành không vượt qua ba tăng-kỳ. Vì sao trần kiếp lại quá nhiều, lúc ấy Phật còn xưng là Vương tử.

Đáp: Có bốn vì sao:

1. Vì sao bình đẳng: Nghĩa là Phật bảo: Ta lúc ấy từng gọi là Thắng Quan, tức pháp thân bình đẳng.

2. Vì sao Biệt thời: Nghĩa là nguyện sanh Cực Lạc đều được vãng sanh. Tạm nghe danh hiệu của Phật Vô Cấu Nguyệt Quang thì chắc chắn đối với pháp Bồ-đề không lui sụt.

3. Biệt nghĩa: Nói các pháp đều không có tự tánh, không có sanh diệt, xưa nay Niết-bàn.

4. Ý chúng sanh ưa thích: Nghĩa là một gốc lành hoặc khen hoặc chê đều giúp cho tăng tiến. Nay nương vào ý thú bình đẳng mà nói các Phật sự khác. Tức thân ta bình đẳng với tất cả. Nếu không như vậy thì

sao nói từng ấy kiếp số? Lại thiện tâm nối tiếp đầy đủ ba kỳ kiếp các tâm nói chung này có chương ngại? Kiếp số từng ấy là ở thời Đức Phật kia còn làm vương tử. Lại y vào năm tháng thời gian tức đâu có chương ngại tự thân của Phật Thích-ca trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp?

- Kinh “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến hiệu Đại Thông Trí Thắng.”

- Tán: Trở xuống bảy hàng tụng chia làm hai: Năm hàng đầu tụng thời gian rất lâu xa. Hai hàng sau tụng Phật năng thấy. Năm hàng lại chia làm hai:

1. Một hàng tụng danh hiệu Phật.

2. Bốn hàng tụng nói về kiếp số.

Đây là phần một.

- Kinh: “Như người dùng sức mài cho đến vô lượng kiếp như thế”.

- Tán: Đây là nói về kiếp số.

- Kinh: “Trí Như-lai vô ngại cho đến thông đạt vô lượng kiếp.”

- Tán: Tụng Phật năng thấy.

- Kinh: “Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến na-do-tha kiếp.”

- Tán: Đoạn thứ hai chánh nói về việc Đức Phật kia. Trở xuống dưới là văn xuôi rồi tụng.

Đầu tiên hội các việc của tự thân. Văn này nói bốn ý lớn

1. Phật thành đạo, tuổi thọ.

2. Khi Phật chưa xuất gia có mười sáu vị vương tử cho đến nói Phật xoay bánh xe pháp.

3. “Bấy giờ mười sáu vương tử đều là đồng tử xuất gia” cho đến, nói các vương tử nối tiếp đền pháp

4. Các Tỳ-kheo! Nay Ta nói với các thầy: Mười sáu Sa-di đệ tử của Đức Phật kia” cho đến hội thành Phật nay Văn đầu có ba:

a. Nói tuổi thọ của Phật.

b. Pháp khó đắc.

c. Nói việc đắc đạo.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Phật xưa ngồi đại Đạo tràng cho đến chẳng hiện ra trước.”

- Tán: Nói pháp khó đắc. Có bốn:

1. Không hiện tiền.

2. Các vị trời trải tòa.

3. Rải hoa đẹp.

## 4. Tấu nhạc.

Ở đây là phần đầu.

Báo thân thành đạo theo lí là rất khó, hóa thân thành đạo đâu ngại gì hiện hóa? Nay báo thân Phật kia lại cùng thị hiện tướng khởi.

**Luận chép:** Ở đây muốn nói đạo Bồ-đề khó đắc. Theo kinh Hoa Nghiêm nói mười việc, cho nên nói ngôi ở đạo tràng, bắt đầu rung chuyển tất cả cõi Phật, cho đến gốc lành của mình đều thọ trì tất cả chúng sanh. Cho nên ngôi Đạo tràng, phá trừ ma quân cũng có mười nghĩa. Bắt đầu từ cõi đời có năm thứ vẫn đục, chúng sanh tương phạt lẫn nhau là muốn hiển rõ công đức lực của Bồ-tát. Cho đến thuận theo chúng sanh ở cõi đời năm thứ vẫn đục, mà thị hiện ra để hàng phục ma. Không như vậy. Vì sao? Vì ma oán làm sao có thắng lực để cạnh tranh với Phật, Bồ-tát?

Lại Phật Thích-ca khi phá trừ ma quân các bộ nói khác nhau. Có nói nói đạo rồi mới phá ma quân. Kinh Niết-bàn cũng nói như vậy. Có nói nói phá ma quân mới thành đạo. Văn kinh hiện có hai nói này. Ở đây nói Phật phá ma quân rồi mới thành đạo. Việc này không chắc chắn, tùy theo sự thị hiện. Lại nói Phật Di-lặc trong ngày xuất gia liền thành Phật. Kinh nói: Phật Thích-ca trước khổ hạnh sáu năm, nay Phật này thành đạo ngôi suốt mười kiếp. Điều là thị hiện tướng khác nhau, không thể một lí do nào chắc chắn.

- Kinh: “Bấy giờ ở cung trời Đao-lợi cho đến Tam-miêu Tam-bồ-đề.”

- Tán: Nói về trải tòa.

Kinh Bát-nhã Thắng Thiên Vương chép: Mỗi vị trời đều dâng Phật một tòa. Phật đều thọ nhận để ngôi tu chứng đạo Bồ-đề nên dùng thân lực hợp lại thành một tòa khiến các vị trời đều chỉ thấy Phật ngôi vào tòa mình để tu chứng quả Bồ-đề phát tâm vui mừng, không thấy các tòa ngôi khác. Cho nên đây cũng nói các vị trời làm tòa, chẳng phải cùng làm ra một tòa.

- Kinh: “Lúc ngôi vào tòa này cho đến thường rải hoa này như mưa.”

- Tán: Nói rải hoa, hoa nhiều như núi Tu-di: Nên biết đó là thân Tha thọ dụng.

- Kinh: Các trời tứ thiên vương cho đến cũng giống như vậy.”

- Tán: Nói tấu nhạc. Trong văn kính thường nói trời âm nhạc để cúng dường.

- Kinh: “Các Tỳ-kheo cho đến Tam-bồ-đề.”

- Tán: Nói Phật đặc đạo.
- Kinh: “Phật lúc chưa xuất gia... gọi là Tri Tích.”
- Tán: Ý lớn thứ hai Phật xoay bánh xe pháp. Ở đây có hai:
- Cúng dường thỉnh chuyển.

- “Bấy giờ Đại Thông Trí Thắng Như-lai,”... thọ lời thỉnh của các Phạm Thiên mười phương cúng dường. Trở xuống là nói Phật hứa vì xoay bánh xe pháp. Thỉnh chuyển có hai phần: một là mười sáu vị vương tử cúng dường Phật thỉnh xoay bánh xe pháp. Hai là Phạm Thiên vương thỉnh. Thân tộc thì hiện tiền, không thân tộc thì không hiện tiền. Văn đầu nói hai ý: Đến chỗ Phật và lễ tán.

Đến chỗ Phật có năm ý: Là con Phật, đến lễ Phật, mẹ tiền đưa, nội tiền đưa.

Đây là phần đầu.

Thân Tha thọ dụng thì có cha mẹ v.v...

Kinh Cổ Âm Vương chép: Phật A-di-đà có cha tên là Nguyệt Thượng, mẹ là Thù Thắng, dung mạo rất tốt đẹp có con, có ma, hóa thất địa trở xuống có sanh tử phần đoạn, có cha mẹ. Hóa Bát địa trở lên có sanh tử Biến dịch, theo lý không có pháp này. Thân Tha thọ dụng cùng xuất hiện với kim luân. Đây là nội tổ của Phật làm vua Chuyển luân.

- Kinh: “Các con đều có cho đến đi đến chỗ Phật.”
- Tán: Đến chỗ Phật.
- Kinh: “Các người mẹ khóc lóc cho đến đi theo đến Đạo tràng.”
- Tán: Phần ba: Mẹ đưa và nội tiền đi.

Khóc lóc là mắt ra nước mắt gọi là thế, khóc không ra tiếng gọi là khắp.

- Kinh: “Đều muốn gần gũi cho đến tôn trọng khen ngợi.”

- Tán: Ý đến Phật.

- Kinh: “Đến rồi đầu mặt đánh lễ cho đến Thiện tai! Bạc Vô thượng tốt lành”.

- Tán: Nói lễ tán. Có hai phần:

1. Thân lễ.
2. Miệng khen.

Tám hàng tụng dưới chia làm ba:

1. Một hàng tụng rươi: Khen ngợi Chư Phật, nguyện đầy đủ thắng đức.

2. Hai hàng tụng khen ngợi Phật tu nhân thắng đức.

3. Bốn hàng tụng rươi: Giải bày ý quy y, lễ bái.

Đây là phần một. Cát là cát tường, là đầy đủ việc lành.



- Kinh: “Thế tôn thật ít có cho đến an trú pháp vô lậu.”

- Tán: Khen ngợi Phật tu nhân thắng đức.

Một phen ngồi mười tiểu kiếp, theo: Kinh Hoa Nghiêm nói có mười thứ ngồi.

1. Vua Chuyển luân ngồi cùng thập thiện.

2. Tứ Thiên vương, ngồi muốn trong tất cả thế giới chánh pháp Chư Phật tu hành tự tại.

3. Đế Thích: Ngồi tự tại đối với tất cả hành của chúng sanh.

4. Phạm thiên vương ngồi mà tâm mình tâm người đều được tự tại.

5. Sư tử ngồi: Phân biệt giảng nói nghĩa sâu xa.

6. Chánh pháp ngồi: Muốn nói pháp tổng trì, các năng lực biện tài.

7. Vững chắc Tam-muội ngồi: Rốt ráo Đại Bồ-đề.

8. Đại từ ngồi: Khiến cho người tâm ác vui mừng.

9. Đại bi ngồi: Có thể nhẫn tất cả các khổ não.

10. Kim cương ngồi: Hàng phục chúng ma, ngoại đạo.

Ở đây là nói Tam-muội vững chắc, ngồi kim cương. Yên tĩnh là thân định. Tâm đạm bạc là chỉ cho tâm định. Đạm bạc trong Nói văn là chỉ sự an tịnh. Nghĩa là đạm bạc an vui.

- Kinh: “Nay thấy Đức Thế tôn cho đến vui mừng đại vui mừng.”

- Tán: Bốn hàng tụng rưỡi: Ý giải bày quy y, lễ Phật. Có hai:

1. Một hàng tụng nói Phật đắc đạo, chúng con được lợi ích.

2. Ba hàng tụng rưỡi là: Giải thích lý do.

Trên là nói Phật đắc đạo.

- Kinh: “Chúng sanh thường khổ não cho đến mãi chẳng nghe danh hiệu Phật.”

- Tán: Giải thích lý do. Có hai:

1. Hai hàng tụng đầu nói các chúng sanh không gần gũi bạn lành, luân hồi chịu khổ.

2. Một hàng rưỡi tụng được lợi ích nên quy y đảnh lễ.

Hai hàng đầu: “Thường khổ là khổ đế, mê mờ là tập đế. Không biết khổ hết là đạo đế, không cầu giải thoát là diệt đế. Đối với bốn đế này đều không thể biết. Chúng trời bị tổn giảm, từ tối vào tối không nghe danh hiệu Phật.” Minh là tối, minh là ban đêm, là tối tăm, tối tăm che mắt người, làm cho không thể thấy.

- Kinh: “Nay Phật đắc tối thượng cho đến quy mạng đấng Vô thượng”.

- Tán: Được lợi ích nên quy y, lễ kính.
- Kinh: “Bấy giờ mười sáu vị vương tử cho đến các trời và người thế gian.”
- Tán: Đây là phần hai: Thỉnh xoay bánh xe pháp. Gồm có: Văn xuôi và Kế tụng.
- Văn xuôi. Nói về sự an ổn và tâm thương xót cứu khổ của Phật.
- Kinh: Giảng nói lại kệ rằng “cho đến nguyện vì thế gian nói.”
- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng rưỡi chia làm ba:
  1. Một hàng tụng: Nói đức trong ngoài của Phật đều đầy đủ, nên cầu thỉnh.
  2. Một hàng rưỡi tụng: Có lợi ích lớn nên thỉnh.
  3. Hai hàng tụng sau: Nói Phật biết thông suốt nên cầu thỉnh. Đây là phần đầu.
- Kinh: “Độ thoát cho chúng con cho đến chúng sanh cũng như vậy.”
- Tán: Có lợi ích lớn nên thỉnh.
- Kinh: “Thế tôn biết chúng sanh cho đến thường chuyển luân Vô thượng.”
- Tán: Vì Phật biết thông suốt cho nên thỉnh. Biết này có năm thứ:
  1. Sở niệm tức là Dục lạc, thắng giải.
  2. Sở hành đạo tức Biến thú hành.
  3. Lực trí tuệ tức là căn thắng liệt.
  4. Túc mạng tức là Túc trú lực.
  5. Nghiệp tức tự nghiệp trí lực.
 Dục lạc tức là sở niệm. Tu phước tức là nghiệp, đây lược nêu ở đây nhiếp cả ngũ lực còn lại.
- Kinh: “Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến sáu thứ rung chuyển.”
- Tán: Phạm thiên cúng dường, thỉnh Xoay bánh xe pháp. Có hai:
  1. Thần quang động chiếu.
  2. Cúng dường thỉnh chuyển.
 Văn đầu có ba ý:
  1. Rung chuyển thế giới mười phương .
  2. Ánh sáng chiếu sáng chốn tối tăm.
  3. Ánh sáng chiếu động cõi Phạm cung.
 Đây là phần đầu.
- Kinh: “Trong cõi nước đó v bể sanh ra chúng sanh.”
- Tán: Chiếu sáng nơi tối tăm. Tức trong núi thiết vi giữa hai thế

giới, núi Thiết vi.

- Kinh: “Lại trong cõi nước đó cho đến sáng hơn ánh sáng của trời”.

- Tán: Chiếu sáng rung chuyển cả Phạm cung, dần dần cung thỉnh.

- Kinh: “Bấy giờ ở phương Đông... cùng bàn luận việc này.”

- Tán: Thỉnh chuyển cúng dường.

Văn lớn dưới đây chia làm năm phần:

1. Phương Đông.
2. Phương Đông nam.
3. Phương Nam.
4. Sáu phương tương tự trước.
5. Phương trên.

Ngoài trừ hai phần bốn và năm, còn lại mỗi phương đều có phương đều có văn nói và đều có bốn ý.

- a. Thấy ánh sáng kinh ngạc, bàn tán.
- b. Theo ánh sáng tìm đến chỗ Phật.
- c. Lễ bái thỉnh xoay bánh xe pháp.
- d. Phật im lặng hứa khả.

Ý đầu, văn chia làm hai:

Phạm chúng kinh ngạc thưa hỏi.

Một vị trời thỉnh Phật.

Phần đầu: Đây đều chung cả tứ thiên Phạm vương. Hoặc chỉ Sơ thiên thỉnh Xoay bánh xe pháp, lượng bằng Phước cõi trời Phạm.

Văn này lại nêu ba ý: Ánh sáng, suy nghĩ, và bàn bạc.

- Kinh: “Bấy giờ trong chúng kia cho đến biến chiếu khắp trong mười phương.”

- Tán: Một vị trời thỉnh Phật.

Các người có đủ uy đức ở trong cõi Trời, lúc gần sanh ánh sáng chiếu rõ trước. Cho nên ở đây nghi rằng: Là trời có uy đức lớn sanh ư.

- Kinh: “Bấy giờ năm trăm cho đến suy tìm tướng đó”.

- Tán: Tìm ánh sáng mà đến chỗ Phật. Có hai ý:

1. Cầm đũa dựng hoa trời đi đến chỗ Phật.
2. Thấy Phật, đại chúng vui mừng.

Đây là phần một.

- Kinh: “Thấy Đại Thông Trí Thắng cho thỉnh Phật Xoay bánh xe pháp.”

- Tán: Thấy Phật, đại chúng vui mừng .

- Kinh: “Tức thời các Phạm thiên, Thiên vương... cao mười do-tuần.”

- Tán: Lễ tán thỉnh chuyển. Có hai: Cúng dường và thỉnh chuyển.

Văn xuôi có hai: Đến lễ Phật, rải hoa. Và Dâng cúng xin Phật thọ nhận.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Dâng hoa cúng dường rồi cho đến nguyện xin Phật thọ nhận”.

- Tán: Đây là nói thỉnh Phật thọ nhận an xứ.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến đều được lợi ích.”

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng chia làm ba:

1. Hai hàng tụng khen ngợi năm đức.
2. Một hàng tụng nêu ra lý do đến Phật.
3. Một hàng tụng thỉnh Phật thọ nhận.

Đây là phần đầu.

- Kinh: “Chúng con cùng theo đến cho đến cúi xin thương xót nhận.”

- Tán: Đầu tiên nêu lý do. Sau tụng là lời nạp thọ.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến độ chúng sanh khổ não.”

- Tán: Đây là thỉnh Phật xoay bánh xe pháp.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Đại Thông... im lặng hứa khả.”

Hỏi: Vì sao lúc sắp Niết-bàn, Phật im lặng là không thọ sự cung thỉnh của người. Nay im lặng là hứa nói cho người nghe?

Đáp: Xưa giải thích, nhan sắc Phật có thay đổi mà người thỉnh biết Phật hứa hay không hứa.

Lại nói: Vì thân Phật tỏa ra ánh sáng biểu hiện nên biết Phật thọ hay không thọ.

Lại nói Phật lúc mới thành đạo, tự tuyên bố nói, thông thường Phật mặc nhiên là thọ thỉnh. Khi sắp Niết-bàn im lặng là không thọ thỉnh. Lại khi thọ thật theo lý phải chú nguyện, im lặng là biết Phật không chấp thuận. Hứa nói im lặng đã là thuận thỉnh, không cần nói ra mới hứa.

- Kinh: “Lại các Tỳ-kheo cho đến cùng bàn việc này.”

- Tán: Nói phương Đông nam. Văn lớn cũng có bốn. Đầu tiên là chúng Phạm thiên kinh ngạc bàn luận.

- Kinh: “Bấy giờ trong chúng kia cho đến độ thoát chúng sanh khổ.”

- Tán: Đây nói một vị trời cầu thỉnh Phật.

- Kinh: Bấy giờ, năm trăm cho đến thỉnh Phật xoay bánh xe pháp cho đến”

- Tán: Tìm ánh sáng đi đến chỗ Phật. Là phần hai, có hai ý:

1. Cầm đũa đứng, hoa tìm đến chỗ Phật.

2. Thấy Phật ai cũng vui mừng.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến cúi mong Phật thọ nhận”.

- Tán: Phần ba lễ tán thỉnh chuyển. Có hai: Cúng dường và thỉnh chuyển.

Đây là phần Văn xuôi nêu sự cúng dường.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương... chúng con nay kính lễ.”

- Tán: Bốn hàng tụng rưới khen ngợi chia làm bốn:

1. Một bài thỉnh lễ.

2. Một hàng tụng rưới khen ngợi ít có.

3. Một hàng tụng khen ngợi làm mất cho chúng sanh.

4. Một hàng tụng khen ngợi đấng cha lành.

Đây là phần đầu.

Ca-lăng-tần-già là loài chim có tiếng hát rất hay, dùng âm thanh mâu nhiệm mềm mỏng trong trẻo, hòa nhã... cho nên Phật lấy đây làm ví dụ.

- Kinh: “Thế tôn thật ít có cho đến các vị trời chúng giảm thiểu.”

- Tán: Khen ngợi ít có.

- Kinh: “Nay Phật hiện ở đời cho đến được gặp Thế tôn...”

- Tán: Một hàng tụng đầu khen ngợi làm mất cho chúng sanh, một hàng sau tụng về đấng cha lành.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến nhĩn thiện càng thêm lớn.”

- Tán: Đây là phần thỉnh chuyển. Khen ngợi Chư Phật sanh lợi ích. Bạc Nhĩn thiện tăng ích là nhập vào Thánh đạo.

- Kinh: “Bấy giờ Đại Thông cho đến im lặng hứa khả.”

- Tán: Phần bốn Phật im lặng nhận lời.

- Kinh: “Lại các Tỳ-kheo cho đến là Phật xuất hiện ở đời.”

- Tán: Nói về phương Nam. Ý theo trước cũng có bốn phần: Đây là đoạn các vị trời thấy ánh sáng kinh ngạc bàn luận. Có hai:

1. Chúng Phạm thiên kinh ngạc bàn luận.

2. Các vị trời thỉnh cầu.

- Kinh: “Bấy giờ năm trăm cho đến Xoay bánh xe pháp.”

- Tán: Phần hai là tìm ánh sáng đến chỗ Phật. Có hai:

1. Cầm đũa đựng hoa tìm đến chỗ Phật.

2. Thấy Phật vui mừng.

- Kinh: “Khi đó, các Phạm thiên vương cho đến cúi xin Phật thọ nhận.”

Tán: Phần ba: Cúng dường và thỉnh chuyển. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Bấy giờ, các Đại phạm cho đến nên nói tiếng sâu xa.”

- Tán: Thỉnh chuyển. Trước là Văn xuôi, sau là kệ tụng. Văn ý có thể biết.

- Kinh: “Bấy giờ cho đến im lặng nhận lời”.

- Tán: Phần bốn: Phật im lặng nhận lời.

- Kinh: “Phương Tây nam cho đến cũng giống như vậy.”

- Tán: Nói sáu phương khác. Sự ý giống các phương trước. Sợ văn dài dòng, nên nói cũng giống như vậy.

- Kinh: “Bấy giờ ở phương trên cho đến là Phật xuất hiện ở thế gian.”

- Tán: Nói ở phương trên có ba phần thứ tư là hứa. Đây là các vị trời thấy ánh sáng kinh hải bàn luận. Có hai:

1. Các vị trời kinh ngạc bàn luận.

2. Một vị thỉnh cầu.

- Kinh: “Bấy giờ năm trăm... xoay bánh xe pháp.”

- Tán: Nương ánh sáng tìm đến Phật. Có hai:

1. Cầm đũa đựng hoa tìm đến chỗ Phật.

2. Thấy Phật vui mừng.

- Kinh: “Bấy giờ các Phạm thiên vương cho đến cúi xin thọ nhận.”

- Tán: Phần ba cúng dường thỉnh chuyển. Có hai:

1. Cúng dường.

2. Thỉnh chuyển.

Phần đầu lại có hai, đây là Văn xuôi.

- Kinh: “Lúc đó, các Phạm thiên vương cho đến rộng độ tất cả cho đến”

- Tán: Trở xuống mười hàng rưỡi tụng chia làm bốn:

1. Bảy hàng tụng rưỡi, khen ngợi đức của Phật.

2. Một hàng thấy Phật sanh vui mừng.

3. Một hàng tụng xin Phật thọ nhận.

4. Một hàng tụng hồi hương.

Bảy hàng rưỡi đầu lại chia làm hai:

a. Hai hàng tụng là nêu ra.

b. Năm hàng tụng rưỡi giải thích.

Hai hàng đầu: Một hàng tụng đầu khen ngợi nhờ gốc. Một hàng tụng sau khen ngợi ban vui.

Chữ Miễn cũng là cứu khỏi. Như nói cha cứu con, anh cứu em.

Kinh Niết-bàn gọi là môn Cam lồ. Nghĩa là lý Thánh đạo gọi là Cam lồ, giáo gọi là môn.

- Kinh: “Xưa vô lượng kiếp cho đến chết nhiều đọa đường ác” cho đến

- Tán: Năm hàng tụng rưỡi giải thích. Trong đây có hai:

1. Bốn hàng rưỡi tụng về sanh tử luân hồi.

2. Một hàng tụng giải thích việc Phật cứu khổ.

Bốn hàng rưỡi:

a. Hai hàng tụng nói chịu quả khổ .

b. Hai hàng tụng rưỡi, tụng hành nhân ác.

Đây là phần một.

- Kinh: “Không theo Phật nghe pháp cho đến thường đọa vào đường ác.”

- Tán: Đây là hành nhân ác. Văn có hai:

1. Một hàng tụng rưỡi nói: Người tại gia có hành vi ác.

2. Một hàng tụng ngoại đạo hành hành vi ác. Lạc là vui quả trời người.

Lạc tưởng là nhân của lạc. Lại lạc có nghĩa là lạc cảnh sở thủ. Lạc tưởng là lạc năng thủ. Lại lạc là tự thể của lạc thọ, lạc tưởng là lạc của đối trị khổ. Nghĩa là lúc nóng lạnh tạm dứt tạm gọi là vui.

- Kinh: “Phật là mắt thế gian cho đến cho nên hiện ra ở đời.”

- Tán: Một hàng tụng giải thích Phật năng cứu khổ.

- Kinh: “Siêu việt thành Chánh giác cho đến vui mừng chưa hề có.”

- Tán: Thấy Phật sanh lòng vui mừng.

- Kinh: “Cung điện của chúng con cho đến đều cùng thành Phật đạo.”

- Tán: Hai hàng tụng: Một bài tụng Phật thỉnh nạp, một hàng sau hồi hương.

- Kinh: “Bấy giờ năm trăm cho đến pháp tu vô lượng kiếp.”

- Tán: Đây là phần thỉnh chuyển.

Một hàng tụng tán, một bài tụng thỉnh.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Đại Thông Trí Thắng Như-lai... xoay bánh xe pháp mười hai hành”.

- Tán: Trên là cúng dường thỉnh chuyển, đây trở xuống là Phật chấp thuận Xoay bánh xe pháp. Có bốn phần:

1. Phật chấp thuận chuyển pháp.
2. Chỗ khác không thể.
3. Nói pháp được chuyển.
4. Chúng sanh nghe được lợi ích.

Ba phen chuyển có hai ý: Tự chuyển và tha chuyển.

Nay vì người chuyển mà chẳng phải Phật tự chuyển. Nói rằng: “Đây là Khổ Thánh đế” gọi là Thị tướng chuyển. “Thánh đế này nên biết khắp là khuyến tu chuyển. “Đã biết khắp Thánh đế này” là tác chứng chuyển. Thực Hành pháp luân này để di động thì gọi đó là nghĩa chuyển. Mỗi lần chuyển đó khiến cho người nghe pháp phát sanh mắt tuệ chân Thánh vô lậu, tùy theo thứ tự đó. Đối với khổ đế của quá khứ, hiện tại, vị lai, sanh ra trí, minh, giác. Như thế một lần chuyển có bốn hành chung riêng. Ba lần chuyển để đều có mười hai hành tướng. Nhưng trong các pháp số chỉ nói ba lần chuyển mười hai hành tướng. Ba lần chuyển hiển bày giúp cho nhập vào ba pháp: kiến đạo, tu đạo và Vô học. Như trong quyển thứ tư trước có giải thích.

- Kinh: “Hoặc như Sa-môn cho đến không thể chuyển được.”

- Tán: Phần hai: Chỗ khác không thể chuyển, vì chưa thật chứng. Chỉ có Phật có thể làm Thầy tất cả, biết tất cả.

- Kinh: Đây là khổ cho đến là khổ diệt đạo.

- Tán: Nói cảnh pháp sở chuyển đối với khổ này cho đến sanh trí tuệ gọi là hành pháp luân. Cảnh pháp luân có hai: Tứ đế và mười hai nhân duyên.

Đây là phần đầu. Tạm nêu Thị tướng, còn hai chuyển y theo đó mà biết.

**Tứ đế** lược chia làm năm môn.

1. Nêu thể.
2. Giải thích tên.
3. Phế lập.
4. Giải đáp chướng nạn.
5. Các môn.

1. *Nêu ra thể*: Các luận đối pháp nói: Hữu tình thế gian và khí thế gian, các pháp tánh hữu lậu ép ngặt thì gọi là Khổ đế.



Tập đế có hai nghĩa:

- Chiêu cảm nghĩa quả dị thực vô ký. Đối pháp nói: Nghĩa là các phiền não, và chỗ khởi nghĩa gọi Tập đế. Duy thức nói năm chi trong mười hai chi cũng thuộc về tập đế, vì nghiệp tánh phiền não. Các pháp vô ký khác đều chẳng phải là tập đế. Nhưng trong Duy thức ái là tập đế, do tánh mạnh nhất.

- Làm nhân có thể đắc quả hữu lậu. Tức các pháp hữu lậu ở trong thân. Các pháp tam tánh có thể làm nhân nương tựa. Có dị thực thì đều là tập đế. Luận Du-già nói trong mười hai chi, quán ngược già chết có hai thứ nhân.

a. Là thô sanh: nghĩa là liền sanh ra chi.

b. Tế sanh: là ái thủ hữu, cho đến quán các thức trước ngược trở về. Những chi này đều gọi là tập của già chết. Cho nên biết dựa vào nhân pháp vô ký cũng gọi là tập, mà không thể nói không phải là các chi cũng gọi là tập.

Các pháp vô vi nhân như, trạch diệt, bất động tướng thọ diệt gọi là Diệt đế. Đối pháp luận chép: Chân như, Thánh đạo, phiền não không sanh thì gọi là diệt đế. Đây nói diệt nương tựa năng diệt, diệt tánh, là cảnh chân như sở chứng của chánh trí, pháp hữu lậu diệt, giả thật hợp lại là tướng Diệt đế.

Ngũ uẩn vô lậu gọi là Đạo đế. Đối pháp nói: Tư lương đạo, gia hạnh đạo, kiến đạo, tu đạo, rốt ráo đạo đều gọi là Đạo đế. Tức dựa vào tự tánh đạo, quyền thuộc đạo để nói lên Đạo đế.

Do tứ đế này mà nhiếp hết hết các pháp. Thế nên kinh Niết-bàn ngài Ca-diếp hỏi: “Như Phật một lần vào trong rừng Thân thủ, nắm một ít lá cây rồi bảo các Tỳ-kheo: Những pháp Ta nói thì như nắm lá trong bàn tay này, còn những gì Ta chưa nói thì như lá trong khu rừng. Nói tứ đế nhiếp hết các pháp. Nếu nhiếp hết thì đã nói tất cả pháp đều hết. Vì sao lại nói pháp chưa nói ra nhiều như lá trong rừng. Nếu không nhiếp hết thì lẽ ra nên có ngũ đế”?

Thế tôn dạy: “Tứ đế đều nhiếp hết, nhưng ở đây nói chung là khổ đế. Nhị thừa không thể biết phân biệt các tướng khổ vô lượng. Điều này người Thanh-văn, Duyên-giác không thể biết. Cho đến Đạo đế cũng giống như vậy.”

Trong đây ý nói: Tuy tứ đế nhiếp hết các pháp mà Nhị thừa phân biệt thô tế không rõ nên cho là Phật chưa nói chứ không phải là có ngũ đế. Y vào giáo thuyết hiển thật chân như cũng thuộc về diệt đế. Cho nên, Đối pháp mà nói: Diệt tánh cũng thuộc về Diệt đế. Kinh Niết-bàn

cũng nói thuộc về Tứ đế. Cho nên nói Nhị thừa có Khổ có đế mà không có thật. Bồ-tát thì có đầy đủ. Ba đế khác cũng vậy. Phế bỏ sự bàn luận ý chỉ thì chẳng phải là diệt đế. Thế nên trong Du-già nói: Nói ngoài Tứ đế, tức chẳng phải đế được an lập. Trên đây là y vào chủng loại mà nói chung tứ đế. Nếu y vào pháp thể thì có thô có diệu, có thể biết được.

Nhưng trí có thượng hạ, y vào Tứ đế nên Kinh Thắng-man nói có tám đế là hữu tác bốn Thánh đế và vô tác bốn Thánh đế. Tám Thánh đế này hàng Nhị thừa không thể biết. Các bản tân dịch gọi là an lập đế, phi an lập đế.

Hữu tác Tứ Thánh đế là: Phần đoạn sanh tử, mười hai nhân duyên gọi là khổ. Phiền não và nghiệp gọi là tập, trạch diệt là diệt. Phẩm trí sanh không gọi là đạo. Vô tác Tứ Thánh đế: Ngũ uẩn Biến dịch sanh tử gọi là khổ. Sở tri chướng gọi là tập. Vô trụ Niết-bàn gọi là diệt. Phẩm trí pháp không gọi là đạo. Như trước đã nói qua. Nay y vào tướng chung hoặc y vào phân đoạn mà chuyển Tứ đế luân để làm Nhị thừa.

2. *Giải thích danh* là: Bốn là số đếm, đế là nghĩa thật. Chỉ có Thánh mới biết thật cho nên gọi là bốn Thánh đế. Khổ thật là khổ, lại không có các khổ khác. Luận quyển năm mươi nói: Đế nghĩa là sao? Như nói là tướng, không thể lìa bỏ. Do quán tướng khổ này đạt đến nghĩa rốt ráo thanh tịnh là nghĩa đế. Đó là giải thích theo số vậy.

Khổ là nghĩa bị ép ngặt, từ phiền não sanh ra. Tập là nghĩa chiêu cảm năng sanh ra khổ đế. Diệt có nghĩa là tịch tĩnh, các pháp kia đều tịch tĩnh. Đạo nghĩa là nhân thông suốt có thể thành ba nghĩa. Ba nghĩa đó là khổ sự khổ lý, khổ như thế. Cho đến Đạo đế cũng có ba nghĩa như vậy.

Khổ sự là trì nghiệp giải thích. Hai khổ khác gọi là đế tức y chủ giải thích. Hai thứ khổ lý, khổ như thế và khổ sự tuy chẳng phải là một, là khác, nhưng ở đây đều chẳng phải có nghĩa ép ngặt bằng nhau.

3. *Phế lập*: Luận quyển chín mươi lăm nói: Khổ đế như là thể của các bệnh. Tập đế như nguyên nhân của các bệnh. Diệt đế như bệnh sanh ra rồi mà trị khỏi. Đạo đế như bệnh hết rồi dứt hẳn không còn phát sanh. Các người có bệnh đó đi đến chỗ thầy thuốc, chỉ nên tìm cầu từng ấy chánh pháp. Các vị thầy thuốc cũng nên trao cho từng nấy chánh pháp. Vậy nên không thể có đế thứ năm. Chư Phật Như-lai là vị thầy thuốc Vô thượng nhứt tôn độc lớn, cũng chỉ giảng nói từng ấy chánh pháp. Lại như người trị bệnh phải biết bệnh nguyên nhân bệnh trừ bệnh, phương pháp trừ bệnh. Cũng như quán khổ sanh tử, biết nguyên nhân dẫn đến khổ, diệt khổ, và phương pháp diệt khổ. Do đó mà nói hưởng

đến hành diệt khổ.

4. *Giải đáp chương nạn*: Luận quyển năm mươi lăm nói: Nhân gì nói biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, cả bốn điều này đều sai khác sao?

Đáp: Do khổ đế kia là sở y của bốn điên đảo, cho nên muốn trừ điên đảo phải biết rõ các khổ. Đã biết rõ rồi thì cũng biết rõ tập. Do đó mà tập đế khổ đế đều nhiếp cả. Tuy là biết rõ cả nhưng Tập đế chỉ là tùy thuộc theo nên cần phải nói tiến đoạn tập. Nói xúc chứng đó là nghĩa hiện kiến, do nơi diệt đế hiện tiền thấy được. Không sanh sợ hãi là thọ thuộc ái lạc, nên cần phải nói xúc chứng diệt đế. Tiếp đến nếu chuyên tu đạo thì mới thành tựu ba nghĩa này, nên cuối cùng nói tu Đạo đế.

Hỏi: Vì sao lần lượt nói bốn đế như thế?

Đáp: Nói khổ là đầu tiên, kế đến là tập. Cả hai đế này nhiếp cả trong phẩm đen. Cũng do đây lạc nêu ra là thứ ba, thứ tư. Hai pháp này nhiếp trong Bạch phẩm rất ráo. Ví như nói bệnh nặng, nguyên nhân bệnh, khởi bệnh, thầy thuốc.

Lại do vì gặp khổ mà thứ tự kiến lập Thánh đế. Như ở thế gian những nơi từng chịu khổ, tức là thứ tự này. Trước phát ra tác ý, kế đến là nhân gặp khổ, từ khổ mà tìm cầu giải thoát, sau đó là phương tiện giải thoát, phát khởi tác ý.

5. *Các môn khác phân biệt là dùng mười môn để phân biệt.*

1. Thuộc về các uẩn: Ba đế năm uẩn cùng tương nhiếp. Diệt đế không như vậy chỉ tịch tĩnh.

2. Mỗi đế hành thế nào? Đáp bốn đế như thứ tự. Nghĩa là vô thường, khổ, không, vô ngã, nhân, nơi tập, sanh, duyên. Diệt, tĩnh, diệu li. Đạo Như Hành Xuất. Tổng thành mười sáu hành tướng.

3. Vì sao nói khổ đế làm tứ hành quán trừ bốn điên đảo? Vì vô thường trừ thường, khổ trừ hai pháp lạc và tịnh điên đảo. Không vô ngã trừ ngã đảo. Bốn tập đế, quán trừ bốn ái, do y vào thường đảo khởi ái hữu sau. Kế đến y vào hai đảo lạc tịnh mà khởi ra tham hỷ câu hành ái và nơi nơi mong cầu lạc ái. Tiếp theo y vào ngã đảo mà khởi ra duy nhất ái. Diệt làm bốn quán là diệt bốn thứ ái đã nêu trên. Đạo làm bốn quán là vì năng chứng bốn ái diệt kia.

4. Giải thoát môn nào nhiếp cơ hành.

5. Nhập đế hiện quán có các loại.

6. Tam thừa quán đế có sai khác gì?

7. Bốn đế này là, thế tục hay thắng nghĩa.

Luận quyển năm mươi lăm và kinh Niết-bàn chỉ nói Thắng nghĩa. Quyển sáu mươi bốn nói phi an lập chỉ thuộc Tục đế... Thật ra thì chung cả hai thứ.

8. Các đế cùng nhiếp.

9. Khổ có mấy loại. Ba đế cũng khác vậy.

10. Hư không, phi trạch diệt. Đế nào thủ nhiếp. Đều như trong Du-già, Đối pháp, Duy thức, luận Hiển dương đã có giải thích.

- Kinh: “Và nói rộng... ưu bi khổ não.”

- Tán: Mười hai duyên khởi này, đây có tạp nhiễm, thanh tịnh. Tạp nhiễm, thanh tịnh đều có quán thuận nghịch. Trong đây có hai: Nêu thanh tịnh thuận quán và tạp nhiễm thuận quán. Trình bày tạp nhiễm nghịch quán và thanh tịnh nghịch quán. Đây tức nhiễm thuận quán. Vì sinh tử tưởng sanh nên làm theo nhiễm nghịch quán.

- Kinh: “Vô minh diệt... ưu bi khổ não diệt.”

- Tán: Đây là thanh tịnh thuận quán. Đầu tiên là đoạn sanh tử nên giống như ra nghịch quán.

**Mười hai duyên khởi** dùng sáu môn để phân biệt.

1. Nêu thể.

2. Giải thích danh.

3. Tướng duyên.

4. Y theo đời.

5. Thuộc các duyên sanh.

6. Thuận nghịch nhiễm tịnh.

1. *Thể*: Thể của vô minh chình là lấy phân biệt trong phiền não chướng, và tùy ý lấy ngu si làm thể. Thành Duy thức nói: Vô minh trong đây, chỉ lấy nghĩa năng phát làm chánh để cảm các ác, thiện nghiệp đời sau.

Lại nói: Chánh phát nghiệp là chỉ kiến sở đoạn. Trợ giúp vô minh thì bất định. Năng phát hành mới là chi này. chung cả tương ứng bất cộng, triển và tùy miên.

Thể của chi hành chung cho cả thân ngữ, ý nghiệp thiện và bất thiện, chỉ cảm tổng báo và cảm chung hai tổng, biệt nghiệp làm tánh. Chỉ có biệt báo nghiệp thì không phải hành chi. Cho nên trong Duy thức nói: Liền chỗ kia phát ra gọi là hành. Do đây mà tất cả thọ nghiệp thuận hiện, bệ trợ đương nghiệp đều chẳng phải là chi hành. Cũng chung cả hiện, chủng sắc, tư làm thể.

Thể của chi thức thứ tám, dị thực do hành sở tập. Vì là đều liên kết sanh nên gọi chung là di thực, và chỉ ở hạt giống mà không lấy hiện

hành. Có chỗ nói thông với sáu thức thân ở trước còn luận rộng ra tất cả thức thân và dựa vào phân vị hiện khởi ở tương lai mà nói có hiện hành. Cho đến chi thọ cũng vậy.

Thể của chi danh sắc: Thành Duy thức nói: Trừ ba nhân sau, các nhân khác đều thuộc chủng danh sắc. Ba nhân sau, tức ba thứ sau: Lục xứ, xúc và thọ. Ở đây nói năm chi không có tạp loạn nhau. Ở trong một sát-na là được hành sở tập duyên khởi các chi. Nghĩa là loại sáu căn dị thực là chi lục xứ (nhập). Dị thực xúc thọ là chi xúc thọ. Trừ chủng bốn thức và ba thứ này. Các uẩn dị thực khác đều là sắc.

Trong Khế kinh lại nói: Danh là bốn uẩn phi sắc. Sắc là Yết thứ lặc lam cho đến. Dựa vào các phần vị lúc đương khởi mà ở trong nhân nói do duyên tạp nhiễm khởi ra các chi. Nếu không như vậy thì làm sao chung cả ngũ uẩn. Hoặc nói rộng tất cả thuộc danh sắc. Trong Duy thức lại y vào Tạp thể mà nói: Danh sắc nhiếp chung cả năm nhân. Ở trong đó tùy theo nhân nào mạnh mà lập, còn lại bốn nhân. Lục xứ và thức tổng biệt cũng như thế.

Chi ái chỉ là tham trung phẩm. Đây tuy duyên chung hai quả trong ngoài mà các luận phần nhiều lấy duyên cảnh ngoài làm quả tăng thượng ái sanh.

Chi thủ dùng chung với tất cả phiền não để làm tự thể. Toàn phiền não cõi đều kết sanh ra. hoặc là năng thủ, hoặc là sở thủ, thủ làm ra, trong đó đều thuận theo phiền não, không giữ pháp khác. Có nói nói chỉ là ái tăng thượng. Trong Thùy thức hội nói: Tuy trong chi thủ nhiếp các phiền não khác, mà ái nhuận thắng hơn, nên gọi là ái tăng. Lại y vào trước sau mà phân ái thủ làm hai, sự thật thì nhiếp các hoặc khác hai chi ái thủ, chung cả hiện và chủng.

Thể của chi hữu tức là sáu chi hành cho đến, được thấm nhuận ái thủ mà chuyển biến gọi là hữu. Có nói nói chỉ có nghiệp.

Duy thức lại nói: Hữu này chính là sanh vị già, tử tương lai, còn năm chi như thức v.v... sanh chỉ là hạt giống. Hữu này năng có quả.

Thể của chi sanh ra: Thành Duy thức chép: Bắt đầu từ trung hữu, đến sanh hữu, bản hữu từ lúc chưa suy biến đến vị lai, đều thuộc về chi sanh. Các vị suy biến gọi chung là già. Khi thân hoại mạng chung gọi là chết. Thể hai chi này đều chung cả ngũ uẩn, chỉ thuộc quả dị thực hiện hành. Có chỗ nói chung cả hạt giống như kinh Duyên khởi nói: Một thời sanh ra năng, sở dẫn sanh đồng thời mà có. Thứ tự giảng nói nghĩa loại không khác nhau, nhưng chẳng phải hai chi này cũng thông hạt giống. Ưu bi khổ não nhân ra già chết mà khởi, nhân chẳng thuộc về chi.

Kinh Thập địa chép: Khi chết chia lìa, ý căn tương đối gọi là ưu. Năm căn tương đối gọi là khổ, phát ra âm thanh kêu khóc gọi là bi. Người ngu tâm nóng bức gọi là não. Ở hai cõi dưới đầy đủ các chi sắc. Cõi Vô sắc thì không như vậy, tùy chúng thích ứng mà có.

2. *Giải thích danh* là: Luận Du-già có năm giải thích:

1. Do phiền não trói buộc mà trải qua các đường, thường sanh khởi nên gọi là Duyên khởi. Y vào chữ duyên chữ khởi mà giải thích.

2. Dựa vào các duyên mà mau chóng diệt đi, tiếp tục hòa hợp lại sanh ra thì gọi là duyên khởi.

Ở đây dựa vào nghĩa sát-na mà giải thích tên gọi. So sánh trong Đại chúng bộ nói mười hai duyên khởi là pháp vô vi. Cũng so với chánh lượng bộ nói về bốn tướng một kỳ.

3. Các duyên quá khứ mà không lìa bỏ. Nương vào tự nối tiếp mà sanh khởi gọi là Duyên khởi. Như nói đây có thì kia có. Đây sanh cho nên kia sanh. Chẳng phải là khác. Nay y vào nghĩa này để giải thích duyên khởi: Đây có thì kia có đó là nói rõ nghĩa vô tác duyên sanh. Đây sanh nên kia sanh là nghĩa vô thường duyên sanh. Chẳng phải khác đó là do hữu duyên mà pháp quả có. Chẳng phải duyên có tác dụng thật năng sanh ra quả pháp. Cũng chẳng phải pháp vô sanh là nhân, hay một ít pháp sanh ra mà được thành lập.

4. Thường diệt mất, lại nối tiếp khởi gọi là Duyên khởi. Đây y vào nghĩa thường hoại thường diệt mà giải thích.

5. Ở trong đời quá khứ giác tánh đã duyên cùng khởi nối tiếp thì gọi là Duyên khởi. Như Thế tôn dạy: “Đã đã giác ngộ cùng khởi, nói tức do đây gọi là lần lượt truyền dạy nên gọi là Duyên khởi.”

Lại nói lìa nghĩa hữu ình không có ngã tự nhiên. Cho đến nghĩa nghiệp tự chính mình tạo tác cũng là nghĩa duyên khởi, mà ở các sự nối tiếp khác thì không thọ quả.

Lại Đối pháp và kinh Duyên khởi giải thích mười một nghĩa. Đối pháp lại gọi là vô tác duyên sanh, là vô thường duyên sanh, là thể dụng duyên sanh. Hai thứ đầu như trước giải thích. Vô minh duyên hành cho đến là chỉ rõ thể dụng duyên sanh. Tuy các pháp là vô tác vô thường nhưng không tùy theo một pháp nào, làm duyên cho nên tất cả quả đều sanh. Công năng của các pháp mỗi mỗi đều sai khác.

3. *Tướng duyên*: Vô minh có hai tướng:

1. Ngu nghĩa chân thật, chung cả hai phẩm trung hạ.

2. Ngu quả dị thực, chỉ ở phẩm thượng. Hai ngu này đều duyên với quả dị thực của nội thân mà khởi. Hành có hai thứ: Thiện và Bất thiện.

Hoặc chia ra làm ba: Bất động, Phước và Phi phước. Đây vì thuộc về huân tập hữu phần.

Năm thứ thức gọi là huân tập. Năm thứ này là vô ký nên thế lực suy yếu, xứ sở chưa định nên không thể tự sanh. Đây phải đợi hữu phần huân tập mới khởi. Do hạ phẩm ngu mà phát ra nghiệp bất động. Do trung phẩm ngu mà phát ra phước nghiệp. Do thượng phẩm ngu mà phát ra phi phước nghiệp. Tùy theo nghiệp đã phát, mà huân tập hạt giống của năm chi thức cho đến Nhiếp thuộc ở nơi hành mà có nơi sẽ sanh. Tức là các vị chắc chắn sanh già chết. Không có tướng sai khác trước sau của năm chi thể mà dựa vào. Vị đương khởi nói nhân là năm. Cho nên trong Duy thức nói: Duyên mê, ngu quả nội dị thực, phát công năng chính chiêu lấy các nghiệp hữu sau làm duyên, dẫn phát chính sanh năm quả vị tương lai sanh già chết, lần lượt nương vào quả tăng thượng bên ngoài, ngu duyên cảnh giới thọ, phát khởi ra tham ái, lại sanh ra bốn thủ như dục v.v... Ái thủ hợp nhuận với chủng nghiệp năng dẫn, và nhân sở dẫn chuyển gọi là hữu. Từ trung hữu dẫn đến sanh bốn hữu, chưa suy biến đến vị lai, tức thể của chi sanh được khởi. Khi suy biến thì chi già chết hiện ra. các thứ lo buồn khổ não liền sanh theo. Đây nói là do vô minh mê nội thân, duyên lấy dị thực thọ mà sanh ra các nghiệp, bèn làm nhân cho các hạt giống năm chi sanh già chết đương lai. Hữu là nơi sẽ sanh. Lại do mê cảnh giới ngoài. Vô minh duyên cảnh giới thọ khởi ra ái và thủ, lại thãm nhuận hạt giống của sáu chi như hành v.v... trước. Gần thì có quả sau chuyển lập tên hữu. Từ đây về sau năm chi hiện hành bèn khởi ra gọi là sanh già chết, đó là tướng duyên khởi làm duyên.

Trong Du-già lại có ba cách giải thích: Thứ tự sanh nhau như trong Du-già nói.

4. Theo đời Duy thức nói: Mười nhân, hai quả chắc chắn mà đời khác nhau, chủ yếu có sanh hậu báo mới gọi là chi, hiện báo thì chẳng phải. Nghĩa là mười chi nhân của quá khứ, hai chi quả của hiện tại. Mười chi nhân của hiện tại, hai chi quả của vị lai. Trong bảy nhân trước cùng ái, thủ, hữu hoặc khác hoặc đồng. Sanh báo thì chắc chắn đồng, hậu báo thì khác. Nghĩa là quá khứ có bảy, hiện tại ba và vị lai là hai. Hoặc như các duyên của bảy ba hai chắc chắn cùng đời. Tức là hai chi sanh, già, tử, ba chi ái, thủ, hữu và bảy chi trước chắc chắn đồng một đời. Vì thế tưởng sanh cho nên năng lực tương tự.

5. Thuộc về các Duyên sanh: Nhiếp luận quyển hai chép: Nếu lược nói duyên khởi thì có hai thứ:

1. Một là tự tánh phân biệt duyên khởi. Nghĩa là y vào thức A-lại-da mà các pháp sanh khởi.

2. Hai là phiền não ái, phi ái duyên khởi. Nghĩa là mười hai duyên khởi nghiệp thiện ác, năng phân biệt tự thể của ái phi ái làm tánh của duyên. Nay đây chính nói loại duyên khởi này. Nghĩa cũng thu nhiếp loại trước mà không chính nói.

Lại nói có ba thứ. Tức hai thứ này lại thêm Thọ dụng duyên sanh.

Luận Biện Trung Biên chép: Loại đầu là duyên thức. Loại hai là thọ giả là trong đây có thể thọ dụng, phân biệt, suy ra tâm sở. Thọ dụng duyên sanh tức sáu thức chuyển, tức cũng thuộc nghĩa duyên thức mà không phải chánh biện luận ở đây.

Luận Du-già lại nói có bốn thứ duyên sanh:

1. Năng dẫn: Nghĩa là vô minh, hành.
2. Sở dẫn: Năm thức cho đến
3. Năng sanh: Ái, thủ, hữu.
4. Sở sanh: Sanh, già, tử.

Trong Tập luận nói thức cũng là năng dẫn. Nghiệp chủng trong thức gọi là chi thức. Chủng dị thực thức gọi là danh sắc. Kinh Duyên khởi chép: Chi thức có cả năng dẫn sở dẫn. Nghiệp chủng, thức chủng đều gọi là thức, là nương vào danh sắc mà chẳng thuộc là danh sắc. Luận Câu-xá quyển chín lại nói bốn thứ:

1. Sát-na.
2. Liên phược.
3. Phân vị.
4. Viễn tục.

Vì sao gọi là sát-na? Trong khoảnh khắc sát-na do tham mà thực hành sát, có đủ cả mười hai chi. Si là vô minh. Tư là hành tương các sự cảnh, rõ biết phân biệt gọi là thức. Thức đều có ba uẩn gọi chung là danh sắc. Trụ ở căn danh sắc, nói là lục xứ. Lục xứ đối với các hòa hợp khác mà có xúc, lãnh nhận xúc là thọ. Tham thọ tức là ái, tương ứng với triền phược này thì gọi là Thủ. Hai nghiệp thân ngữ khởi lên thì gọi là Hữu. Các pháp khởi lên như thế gọi là sanh, thành thực biến đổi là già, diệt hoại gọi là tử.

Nay theo Đại thừa thì tám thức cùng khởi, phiền não đều sanh cùng với kia khác nhau. Lại có nói nói: Sát-na, liên phược như trong Phẩm loại Túc luận nói. Đều có ở khắp hữu vi, khác nhau với nghĩa trước. Trong mười hai chi có ngũ uẩn đều nhiếp cả phân vị. Đây chính



là sự nối tiếp xa từ vô thí nên gọi là viển tục, đồng với Đại thừa mà mà lý chung chưa rõ ràng.

6. *Nhiễm tịnh thuận nghịch*. Đối pháp quyển thứ tư nói: Tạp nhiễm thuận nghịch, thanh tịnh thuận nghịch.

Tạp nhiễm thuận nghịch hoặc y vào thứ tự lưu chuyển mà nói. Nghĩa là vô minh duyên hành cho đến sanh duyên già chết. Thuận theo thứ tự mà nói. Đây nói sanh tử lần lượt sanh nhau. Hoặc y vào an lập để mà nói. Nghĩa là già chết, già chết tập, già chết diệt, già chết hưởng diệt hành. Như thế cho đến thành, hành tập, hành diệt, hành hưởng diệt hành, bốn mươi bốn trí, vô minh không có nhân nên không phải bốn mươi tám trí.

Đây là quán sau: Ở gia hạnh trước, cũng làm bảy mươi bảy trí. Nghĩa là duyên với đời hiện tại mà có già chết. Chẳng phải không duyên với đời hiện tại mà có già chết. Tự thân của hiện tại đã tự làm bèn thành hai trí. Duyên đời quá khứ, duyên đời vị lai cũng có hai trí, hợp lại thành sáu. Quán vô thí đến nay thì tất cả già chết đều duyên ở nơi sanh. Vị lai tuy chưa khởi mà vẫn có nghĩa tạp nhiễm hoàn diệt. Nay quán tạp nhiễm nên thành hai trí.

Trong ba đời này trí đầu tiên quán trong quả có nhân, nêu rõ lý do. Trí thứ hai quán trong quả có nhân, chẳng phải là không có quyết định. Phá ngoại đạo vọng chấp sanh không có nhân. Trí thứ bảy tức là quán pháp không thuộc về chi. Các tuệ hữu lậu đều là nghĩa biết khắp. Tức là pháp trụ trí biết khắp cả ba đời, duyên khởi giáo pháp, gọi pháp không nhiếp trước là trí thứ bảy. Sáu quán trước là trí chân thật. Một quán này là pháp trụ trí, hợp lại thành ra bảy trí. Các bậc Thánh dị sanh đều có trí này. Nay từ kiến đạo trở về trước là quán hạnh của vị phàm sau này mới nhập vào bốn mươi bốn trí. Bốn mươi bốn trí này gần với tứ đế. Trụ vào các giáo pháp là văn tuệ nên gọi là pháp trụ trí. Như thật nghĩa mà biết, là tư, tu tuệ gọi là trí chân thật. Ở đây có lậu quán cho nên gọi là tạp nhiễm. Văn này chỉ có quán thuận mà không có nghịch.

Thanh tịnh thuận nghịch là vô minh diệt cho nên hành diệt... cho đến sanh diệt... già chết diệt. Thuận thì theo thứ tự mà nói: Đây y vào thứ tự đoạn vị mà nói. Do đâu không có mà già chết không có, do đâu diệt mà già chết diệt. Cho đến do gì không mà hành không có, do gì diệt mà hành diệt cho đến. Đây là dựa vào vị quả đặc rõ ràng mà quán. Trong văn này chỉ có thuận mà không có nghịch quán. Nói rộng như phẩm dưới sẽ tán sau. Tuy không hiện tiền mà thành ra Độc giác, khiến cho chứng Thanh-văn, thì cũng nói duyên này. Y vào nói để cũng thành

ra ba chu mười hai hành tướng.

- Kinh: “Phật ở trong hàng trời người cho đến đầy đủ tám giải thoát cho đến”

- Tán: Phần bốn: Chúng sanh được lợi ích. Có hai phần: được lợi ích và nói về rất nhiều.

Được lợi ích chia làm hai: Pháp hội đầu, lần hai, ba, bốn.

Hội đầu. Thọ là chấp trước. Không tham đắm tất cả pháp, cho nên được tâm giải thoát. Tâm giải thoát là do giải thoát vô minh phiền não, thành tựu tâm tương ứng, tuệ giải thoát, không còn duyên cảnh khởi phiền não thì gọi là tâm giải thoát. Hoặc thiên định gọi là tâm giải thoát, là tâm năng trụ. Đắc câu giải thoát gọi là tâm giải thoát.

- Kinh: “Lúc nói pháp lần hai cho đến đắc giải thoát.”

- Tán: Đây nói về hội thứ hai, thứ ba, thứ tư. Ngài Di-lặc nói ba hội, Phật Thích-ca không nói hội nào, căn cơ chúng sanh lợi ích mỗi người đều khác nhau.

- Kinh: “Từ đó trở về sau cho đến không thể tính biết.”

- Tán: Đây là nói chúng nhiều. Trên đây nói pháp luân của Thanh-văn nên không có Bồ-tát.

- Kinh: “Bấy giờ mười sáu vị vương tử cho đến Tam-bồ-đề.”

- Tán: Ý lớn thứ ba. Nói việc nối tiếp truyền đèn có năm phần:

1. Mười sáu vương tử xuất gia rồi, thỉnh Phật.

2. “Bấy giờ Đức Phật kia thọ nhận lời thỉnh của Sa-di v.v...” hứa nói chánh đạo.

3. Nói kinh này rồi liền nhập vào tĩnh thất cho đến” Nói các vương tử nối đèn pháp.

4. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp” cho đến: Phật khen ngợi.

5. Phật bảo các Tỳ-kheo là mười sáu vị Bồ-tát “cho đến chúng sanh được lợi ích hóa độ.

Phần đầu có hai:

a. Các con xuất gia xong thỉnh Phật.

b. Quan phụ thân cùng theo xuất gia.

Phần một lại có ba:

Nêu tính tốt của các vương tử.

Thỉnh Phật.

Thỉnh ý. Gồm có

sáu đức:

Vượt qua các ràng buộc, xuất gia làm Sa-di.

Nghe pháp mau giác ngộ, các căn đều lanh lợi.

Trí tuệ tỏ sáng, tánh tình thông minh.

Từ lâu đã gặp duyên lành, từng cúng dường Phật.

Giữ vững thảng giới, tịnh tu phạm hạnh.

Chí mong cầu quả Chánh đẳng chánh giác.

- Kinh: “Cùng bạch Phật rằng cho đến Phật tự chứng biết.”

- Tán:

1. Thỉnh Phật. Xưa Phật nói pháp luân Tiểu thừa lợi ích người Thanh-văn thừa xong mà ý chúng con mong cầu Đại thừa, xin Phật nói.

2. Thỉnh ý: “Chúng con chí nguyện Đại thừa chánh pháp tri kiến của Như-lai”. Phật đã tự chứng hết, Phật đã tự chứng rõ. Nguyện vì con mà nói pháp.

Hỏi: Vì sao trước thỉnh Phật vương tử ở trước. Nay vì nói pháp vương tử ở sau?

Đáp: Trước là căn cứ vào thân sơ. Sau nói rõ quyền thật.

- Kinh: “Bấy giờ Vua Chuyển Luân... vua liền nghe theo.”

- Tán: Đây nói các quan phụ thần xin theo xuất gia. Đầu tiên thỉnh, sau hứa cho.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Phật kia... Phật sở giữ gìn.”

- Tán: Phần hai, Phật hứa nói pháp. Có năm. Trong đây có hai:

1. Khi muốn nói pháp phải đợi căn cơ thuần thực. Trải qua hai muôn kiếp.

2. Trình bày pháp sẽ nói là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu Pháp Liên Hoa chính vì Thanh-văn. Kinh Vô lượng nghĩa chính vì Bồ-tát. Vì sao trong đây nói kinh Pháp Hoa là vì Bồ-tát mà nói. Như trước Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nhân nơi Pháp sư Diệu Quang mà hai mươi muôn ức Bồ-tát ưa muốn nghe pháp.

Hỏi: Vì sao Xoay bánh xe pháp Nhị thừa thì gọi là Tam chuyển mười hai hành tướng. Đại thừa thì không như vậy?

Đáp: Lý thì nên như thế. Nhưng vì Thanh-văn ở trong một tòa có thể thành tựu nghĩa cả Kiến, Tu, Vô học đạo.

Bồ-tát thì không như vậy. Do đó mà khác nhau. Đây nói mười hai nhân duyên cũng y vào tứ đế.

- Kinh: “Nói kinh này rồi... đọc tụng thông suốt.”

- Tán: Thứ ba nói Sa-di lãnh ngộ.

- Kinh: “Lúc nói kinh này... chưa hề thôi bỏ...”

- Tán: Trong đây có hai. Thứ tư nói ba căn lãnh ngộ. Thứ năm thời

gian nói pháp. Hàng Bồ-tát thượng căn nghe liền tin thọ. Hàng Thanh-văn trung căn cũng có tín hiểu. Các loại hạ căn đều sanh nghi ngờ. Vì kinh Pháp Hoa khó tin hiểu. Chúng sanh hạ căn chưa thuần thực. Vì gần đến thời nay cho nên nói thời kia có người nghi ngờ.

- Kinh: “Nói kinh này rồi... tám muôn bốn ngàn kiếp.”

- Tán: Phần ba: Các vương tử nối tiếp đèn pháp. Có ba:

1. Phật nhập định vắng lặng.
2. Các con nói pháp.
3. Chúng sanh độ được nhiều ít cho đến

Đây là phần một. Biết con căn tánh thuần thực khiến các con tiếp nối đèn pháp nên Phật nhập tịch định.

- Kinh: “Bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát... kinh Diệu Pháp Liên Hoa.”

- Tán: Các con thỉnh pháp lợi ích đã nhiều, mà thời nói pháp lại dài.

- Kinh: “Mỗi người đều độ... Tam-bồ-đề”.

- Tán: Độ được nhiều ít... chỉ bày giáo pháp lợi ích vui mừng. Các bản tâm dịch nói là thị hiện giáo đạo, khen ngợi khuyến thỉnh, vui mừng. Luận Hiển dương quyển mười lại thêm: “Khiến cho làA-dục.”

Nghĩa là quả trách các hành giả để cho lìa hết ái nhiễm, gọi là li nhiễm. Thị hiện ra bốn đạo lý chân thật, gọi là thị hiện. Đã đắc tín hiểu, khiến chánh thọ hành thì gọi là chỉ dẫn. Nếu người giải đã lui sụt thì khuyến khích sách tấn thì gọi là vui mừng.

- Kinh: “Đại Thông Trí Thắng Phật... khiến thể nhập vào đó.”

- Tán: Phần bốn: Phật khởi khen ngợi. Có hai:

1. Thăng tòa khen ngợi.
2. Khuyên người gần gũi tin.

Đây là phần đầu. Phật khen ngợi bảy ý:

- a. Ít có.
- b. Lợi căn.
- c. Trí sáng.
- d. Gần gũi Thánh.
- e. Tu hành.
- f. Thọ trì trí Phật.
- g. Chỉ bày chúng sanh.

- Kinh: “Các thầy đều nên cho đến trí tuệ của Như-lai.”

- Tán: Đây là khuyên người nên gần gũi và tin. Trước nêu khuyên nên gần gũi, sau khiến tin nhận.

- Kinh: “Phật bảo các Tỳ-kheo cho đến thấy đều tín hiểu.”

- Tán: Phần năm nói về sở hóa lợi ích. Có ba. Trong đây có hai:

1. Thường nói kinh Pháp Hoa.

2. Sở hóa thường lợi ích.

Có hai:

a. Cùng với Bồ-tát .

b. Nghe pháp tín hiểu.

- Kinh: “Nhờ nhân duyên đó cho đến đến nay không hết.”

- Tán: Thứ ba là giải thích nghĩa thành tựu. Nay nói lên trong hội Pháp Hoa, là thường làm lợi ích cho chúng sanh.

- Kinh: “Các Tỳ-kheo cho đến để làm quyến thuộc.”

- Tán: Ý lớn thứ tư: Hội thành với Đức Phật ngày nay có hai:

1. Nêu việc thành Phật lợi lạc chúng sanh.

2. Nêu danh hiệu khác và xứ sở thành Phật.

Đây là phần một.

- Kinh: “Hai vị Sa-di đó cho đến hai là tên Sư tử tướng.”

- Tán: Đây nói lên tên khác và xứ sở thành Phật. A Súc có nghĩa là Vô động. Cho nên tất cả tướng dụng phiền não đều bất động.

Chữ Súc không biết xuất xứ từ đâu. Đỉnh núi Tu-di rất cao. Nói Sư tử là thị hiện hàng phục ma oán.

- Kinh: “Hai vị Phật ở phương Nam cho đến vị thứ hai tên là Phạm Tướng.”

- Tán: Thường chứng pháp tánh thì gọi là Hư không trụ. Sanh tử thường vắng lặng gọi là Thường diệt. Được tự tại hoàn toàn gọi là Đế tướng. Hay sanh ra chư Thánh thì gọi là Phạm tướng.

- Kinh: “Hai vị Phật ở phương Tây cho đến vị thứ hai tên là Tu-di Tướng.”

- Tán: A-di-đà dịch là Vô Lượng Thọ. Vì tuệ mạng dài lâu. “Độ nhất thiết thế gian khổ não”. Vì Phật thường khởi bi nguyện.

Đa-ma-la-bạt chiên-đàn hương gọi là Vô cấu hiền hương. Chúng Đức trang nghiêm gọi là Tu-di Tướng.

- Kinh: “Hai vị Phật ở Bắc phương... Tam-bồ-đề.”

- Tán: Hay thí pháp vũ, gọi là Vân tự tại. Che phủ rộng lớn thì gọi là Vân tự tại vương. Hay phá sanh tử thì gọi là Hoại bố úy. Có khả năng vắng lặng ba nghiệp, dứt sạch phiền não sanh tử, chứng lý tịch mặc thì gọi là Thích-ca Mâu-ni. Hán dịch là Năng Tịch. Thế giới Ta-bà này gọi là Kham Nhãn. Vì chúng sanh ở cõi này không hiểu thuận với cha mẹ, không kính Sa-môn, làm mười điều ác. Ngày đêm thêm lớn vô lượng

khổ sở trong ba đường tám nạn, Bồ-tát ở trong đó khổ não, mà thực hành lợi ích, gọi là Kham Nhẫn.

- Kinh: “Các Tỳ-kheo... Tam-bồ-đề.”

- Tán: Trên hội việc Phật, dưới hội việc đệ tử. Có hai:

1. Chánh nói việc của đệ tử.

2. “Sau khi Phật diệt độ” v.v... Đây là giải thích về nghi nạn.

Vấn đầu lại có hai:

a. Nói việc hóa đạo ngày trước.

b. Chúng sanh được hóa độ lúc đó cho đến chánh kết việc hội chúng.

Vấn đầu lại có hai:

Việc giáo hóa xưa.

Nguyên nhân các người trụ vào tiểu quả.

Đây là phần một. Xưa giáo hóa Đại thừa, mà nay có người trụ vào Thanh-văn địa. Nhưng ở trước hội Pháp Hoa đã từng nói các kinh như Bát-nhã v.v... để phương tiện thâm hóa Đại thừa. Nhưng các người không biết việc sở hóa của Phật.

- Kinh: “Những bọn người này... khó tin.”

- Tán: Đây nói lý do trụ vào tiểu quả, là thuộc người tánh bất định lui sụt, nên dùng quyền hóa để lần vào đạo. Vì trí tuệ Phật khó tin khó hiểu không phải chợt nhiên có thể học. Cho nên Phật đầu tiên nói quyền sau đó mới đem thật pháp giáo hóa.

- Kinh: “Các chúng sanh được hóa độ thuở đó cho đến là đệ tử.”

- Tán: Chánh kết hội việc này.

Kinh: “Sau khi Ta diệt độ... sẽ nhập Niết-bàn”

- Tán: Giải thích nghi nạn: Như các Thanh-văn đều sẽ thành Phật. Các vị ấy gặp Phật nhờ Phật giáo hóa, có thể sẽ trụ quả Phật. Sau khi Phật diệt độ, có người cầu quả Thanh-văn mà không nghe kinh này, không biết, không hay hạnh của Bồ-tát rộng lớn sâu xa. Đối với hai công đức hữu vi vô vi, tự chứng tưởng cho là diệt độ Niết-bàn hữu dư, cầu nhập Vô dư Niết-bàn. Người ấy làm sao sẽ được thành Phật. Văn giải thích có ba:

1. Nhắc lại người nghi.

2. Giải Thích-các vị kia cũng thành Phật.

3. Sau đó giải thích lý do.

Ở đây nhắc lại điều nghi của Thanh-văn.

- Kinh: “Ta ở nước khác cho đến được nghe kinh này.”

- Tán: Đây giải thích Thanh-văn kia cũng thành Phật. Ta ở nơi

nước khác thành Phật.

Lại có tên khác đó: Kinh Bồ-tát Xử Thai chép: Từ cõi này diệt độ, ở trong mười phương trải qua ba mươi hai cõi nước Chư Phật, lại thành Phật giáo hóa chúng sanh. Trong thí dụ Y sư ở dưới sẽ nói đầy đủ nghĩa này. Người ấy tuy nghĩ gì diệt độ cầu nhập Vô dư Niết-bàn, mà đối với ta có duyên. Ta dùng thần thông dắt dẫn họ, ở cõi kia gặp ta được nghe kinh này. Hoặc là phàm phu, hoặc là Hữu học. Cầu hữu vô dư Niết-bàn. Đối với Niết-bàn này, cho là thật diệt độ, nghĩ cầu nhập chứng hai thứ Niết-bàn này. Tu hạnh Nhị thừa, chúng tánh đã an bày, Ta vì lòng từ bi dắt dẫn sanh nước kia gặp Ta cầu đắc trí tuệ Phật. Hoặc ta thành Phật ở nước khác. Chúng sanh nghĩ là ta diệt độ, cho là ta nhập vô dư. Ta dắt dẫn đến nước kia khiến cho cầu trí tuệ Phật. Đây là nói người có duyên gặp ta. Hoặc đối với ta không có nhân duyên này, cũng được Phật khác và Bồ-tát dắt dẫn giáo hóa, nghe kinh này mà được thành Phật. Cũng khi có ngậm nói pháp hóa đạo thành tựu người này, khiến cho hưởng cầu Đại thừa. Nay nói hiển hóa đối với Phật có duyên. Cho nên nói ở cõi kia cầu trí tuệ Phật. Hoặc tuy có duyên với Phật khác mà vãng sanh về đó, trên vì sao bình đẳng thì cũng nói là có duyên với Ta.

- Kinh: “Chỉ dùng Phật thừa cho đến phương tiện nói pháp.”

- Tán: Đây là giải thích lý do.

Vì một Phật thừa rất ráo diệt độ, không khác với thể Nhị thừa rất ráo. Phương tiện nói giáo thì có Tam thừa. Hoặc chỉ một thể cực quả phương tiện nói có ba nhân, nhân đó mà nói dặm đường dài Trong kinh Niết-bàn phẩm Cao quý đức vương nói: Sao gọi là Niết-bàn, sao là Đại Niết-bàn? Là nơi Thanh-văn, Duyên-giác, tám muôn kiếp, sáu muôn kiếp, bốn muôn kiếp, hai muôn kiếp, một muôn kiếp trụ gọi đó là Niết-bàn. Là trụ xứ của bậc Vô thượng Pháp vương Thánh chủ gọi là Đại Niết-bàn. Người xưa giải thích: Các quả của Nhị thừa trải qua thời gian như thế nhập vào Vô dư Niết-bàn. Sau đó khởi hồi tâm được Chư Phật, Bồ-tát dắt dẫn hóa giáo. Hàng Nhị thừa trải qua thời gian tu hành hưởng cầu Đại thừa. Chư vị trước kia chưa hồi tâm. Hữu dư y Niết-bàn gọi là Niết-bàn. Pháp vương sở đắc gọi là Đại Niết-bàn.

Người không phải Nhị thừa tức các quả vị Hữu học đã trải qua tám muôn kiếp, cho đến bốn muôn kiếp đã nhập Niết-bàn. Cũng chẳng phải Vô học, nhập vào vô dư y, thân trí đều không. Nhập Niết-bàn rồi liền khởi thân trí trải qua hai muôn kiếp tu hành đại hạnh. Phẩm Tín hiểu chép: Chúng con đê mê dài tu tập pháp không. Cho đến trụ vào thân rất sau hữu dư Niết-bàn, như vậy đã đắc được báo ân Phật.

Luận Trang nghiêm nói: Người gốc lành khi Niết-bàn thì hết, Bồ-tát thì không như vậy. Người Nhị thừa đó nhập vào Vô dư Niết-bàn, gốc lành đã hết. Cũng như trong luận Trang nghiêm nói vì sao trải qua một muôn kiếp v.v... tu hành mới nhập vào Thập tín. Sau đó trải qua ba vô số kiếp, mới đắc quả Bồ-đề, bốn thức đã không, không có thức trì chủng, thân đó đều hết thì dùng pháp gì tu hành sao đắc Bồ-đề? Nhập vào vô dư rồi, nếu có gốc lành, chẳng những trái với giáo mà cũng trái với chánh lý. Thân trí vẫn còn tồn tại vì sao nói là Vô dư Niết-bàn, khác nhau với vô lậu của Như-lai. Vì sở y tồn tại nên gọi là hữu dư y. Hữu dư y hết thì gọi là vô dư y. Kinh Thắng-man cũng chép: Nhị thừa đắc Niết-bàn đó là phương tiện của Phật.

Thành Duy thức chép: Không đắc vô trụ nên gọi là phương tiện. Hoặc trụ vào hữu dư, hồi tâm hướng đại không đắc vô dư, gọi là đắc phương tiện.

Phẩm bình hạnh trong Kinh Niết-bàn: Quả Tu-đà-hoàn, trải qua bảy lần sanh vào cõi trời, cõi người mới đoạn kiết mà nhập vào Niết-bàn. Vào đời vị lai trải qua tám muôn kiếp mới đắc quả Vô thượng Bồ-đề. Quả Tư-đà-hàm qua một lần vãng sanh, mới dứt kiết nhập Niết-bàn, trải qua sáu muôn kiếp đắc quả Bồ-đề.

Quả A-na-hàm không còn sanh vào cõi người, vị lai trải qua bốn muôn kiếp sẽ đắc quả Bồ-đề. A-la-hán trải qua hai muôn kiếp sẽ đắc quả Bồ-đề. Bích-chi-phật trong mười ngàn kiếp sẽ đắc quả Bồ-đề.

Kinh này lại nói: Trải qua tám muôn kiếp sẽ đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chẳng thành Chánh giác thì gọi là đắc Bồ-đề. Sư xưa giải thích: A-la-hán trải qua bảy lần sanh tử lấy quả Tu-đà-hoàn mà nói. Trải quả hai lần sanh tử lấy quả Tư-đà-hàm mà nói. Từng sanh về cõi trên lấy quả A-na-hàm mà nói. Không còn sanh tử mà chỉ nhờ giáo pháp là quả A-la-hán. Không trải qua sanh tử mà đắc quả Độc giác là lấy quả Bích-chi-phật mà nói. Ba quả vị trước này là phàm thân đắc quả, Thánh thân đắc Niết-bàn, hai quả vị sau là phàm thân đắc quả phàm thân Niết-bàn. Trải qua nhiều lần sanh thì gọi là độn, nên thời gian trải qua vắng lặng nhiều, ít lần sanh tử đó là lợi, nên thời gian trải qua vắng lặng ít. Trải qua tám muôn kiếp tu hành theo ngài Bồ-đề Lưu-chi. Giải thích thì vẫn đem dùng tâm từ bi tưởng tám muôn kiếp làm một ngày đêm, chứa nhóm năm tháng mà thành ra đại kiếp. Quả vị kia thọ vô lượng đại kiếp. Từ đây về sau thì mới phát tâm. Nghiệm xét sự giải thích này chưa y cứ vào kinh điển.

Kinh giải thích: Tu-đà-hoàn qua bảy lần sanh tử dứt kiết phược



---

mới nhập Niết-bàn. Tu-đà-hoàn, trải qua tám muôn kiếp mới đắc tâm Đại Bồ-đề, Sơ quả Thập tín. Sao lại nói tám muôn kiếp mới trụ Niết-bàn. Đây nói A-la-hán gọi là Tu-đà-hoàn phải trải qua tám muôn kiếp mới được phát tâm. Thật là đáng cười! Lại nếu nhập vào vô dư y thân biết mất hẳn. Vì sao không nhân mà lại khởi thân nữa ư! Không như vậy thì nghĩa Vô dư là gì? Nếu như Phật nhập Vô dư Niết-bàn. Hữu lậu đã hết thì đắc vô lậu. Vô lậu đã viên mãn thì sao không gọi là Phật. Nếu triền phược đã dứt hết thì gọi là nhập vô dư. Thân trí không mất thì vô dư đâu tồn tại? Có thân sở y nên hai thứ vô dư, hữu dư đâu có khác nhau. Nhưng kinh Niết-bàn chép: Tu-đà-hoàn trải qua tám muôn kiếp v.v... như trước đã nói. Thật thì quả kia chẳng phải A-la-hán. Lấy kia mà nói cũng chẳng phải A-la-hán còn trải qua một lần sanh nữa. Như kinh kia ý chỉ nói chung A-la-hán, người thật Hữu học phát tâm hướng Đại thừa phải trải qua từng ấy thời gian. Do đây, nên dùng các kinh Niết-bàn, Du-già, để giải thích là nói tốt nhất.

Tăng Giác Ấn ghi tại chùa Pháp long  
Ngày 30 tháng 05 niên hiệu An Bảo năm thứ ba

